

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 88 /QĐ-TTMS

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1
Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn
2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM MUA SẮM TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật Dược ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược;

Căn cứ Nghị quyết số 112/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-BYT ngày 27/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2331/QĐ-BYT ngày 07/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao đầu mối thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của Đơn vị mua sắm tập trung cấp quốc gia, đàm phán giá cho các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2873/QĐ-BYT ngày 26/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc thuộc danh



mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 đợt 1 do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-TTMS ngày 28/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng các gói thầu cung cấp thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp quốc gia giai đoạn 2024-2026 đợt 1 do Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia thực hiện;

Căn cứ Biên bản mở thầu Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1) ngày 16/10/2024;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 03/BC-TCG55.1 ngày 05/11/2024 của Tổ chuyên gia đấu thầu Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1);

Căn cứ Tờ trình số 93/TTr-NVĐT ngày 12/11/2024 của Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1 Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1);

Căn cứ Báo cáo Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu số 06/BC-ĐTTT03 ngày 14/11/2024 của Tổ Thẩm định đấu thầu Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Đấu thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu lần 1 Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (Mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 2873/QĐ-BYT ngày 26/9/2024, cụ thể:

- Nhà thầu trúng thầu, giá trúng thầu, danh mục thuốc chi tiết tại phụ lục kèm theo.

- Nguồn vốn: Nguồn vốn nhà nước, nguồn quỹ BHYT, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của CSYT.

- Cách thức thực hiện: Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia ký Thỏa thuận khung, các cơ sở y tế ký hợp đồng trực tiếp với nhà thầu trúng thầu.

- Thời gian thực hiện thỏa thuận khung: 25 tháng.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng và trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng và trong thời gian hiệu lực của thỏa thuận khung.

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.



Điều 2. Giá trúng thầu đã nêu tại Điều 1 là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan để thực hiện gói thầu như chi phí vận chuyển, bảo quản, bảo hành thuốc, các dịch vụ liên quan và các loại thuế, phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia có trách nhiệm ký kết Thỏa thuận khung với nhà thầu trúng thầu; Các cơ sở y tế ký hợp đồng với nhà thầu trúng thầu để cung cấp các mặt hàng thuốc nêu tại Điều 1 theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng Nghiệp vụ thuộc Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và nhà thầu có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

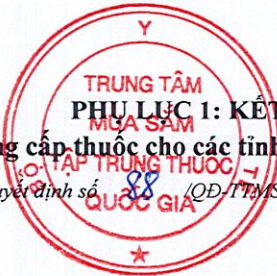
- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đồng chí Thứ trưởng (để báo cáo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Trang thông tin điện tử của Trung tâm;
- Các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, NVĐT.

GIÁM ĐỐC



***Lê Thành Công**

PHỤ LỤC 1: KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU LẦN 1
Gói thầu số 03: Cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Nam giai đoạn 2024-2026 đợt 1 (mã hiệu: ĐTTT.03.2024.1)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-TTNS ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)



STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HÀ																	
1	12	J01DB04.0 1.01.N2	Zolicef	Cefazoline	1000mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 2	36 tháng	893110832824 (VD-20042-13)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Lọ	755.718	17.388	13.140.424.584
TỔNG CỘNG																	13.140.424.584
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																	
1	38	M01AC06. 02.01.N2	Meloxicam 15mg	Meloxicam	15mg	uống	Viên nén	Hộp 3 vi x10 viên	Nhóm 2	36 tháng	893110426524	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	viên	7.953.849	312	2.481.600.888
TỔNG CỘNG																	2.481.600.888
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÃ																	
1	25	J01FA09.0 1.01.N1	Crutit	Clarithromycin	500mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-22063-19	S.C. Antibiotice S.A.	Rumani	viên	2.061.336	8.300	17.109.088.800
TỔNG CỘNG																	17.109.088.800
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHƯƠNG DUY																	
1	55	N06BX03. 01.01.N1	Pracetam 800	Piracetam	800mg	uống	viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 15 viên	Nhóm 1	36 tháng	893110697724 (VD-18538-13)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	30.807.370	1.225	37.739.028.250
TỔNG CỘNG																	37.739.028.250

I

A

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD																	
1	21	J01DD02.0 1.06.N1	Tenamyd- Ceftazidime 2000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	2000mg	tiêm/ truyền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	24 tháng	VD-19448-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Chai/Lọ	1.484.294	37.989	56.386.844.766
TỔNG CỘNG																	56.386.844.766
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																	
1	35	M01AC06. 01.01.N1	Meloxicam-Teva 7.5mg	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	VN-19041-15	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	14.696.962	788	11.581.206.056
TỔNG CỘNG																	11.581.206.056
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																	
1	10	L01BC06. 01.01.N2	Capecitabine 500mg film coated tablets	Capecitabine	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 2	24 tháng	890114355524	M/s. Shilpa Medicare Limited	India	Viên	6.467.254	4.800	31.042.819.200
2	30	A02BC05. 02.06.N2	Esovox-40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol natri)	40mg	Tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VN-19597-16	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd.	India	Lọ	1.132.580	15.900	18.008.022.000
3	31	J01MA12. 01.01.N1	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-22922-21	Medochemie Ltd.- central Factory	Cyprus	Viên	2.824.572	7.266	20.523.340.152
4	47	A02BC02. 01.07.N1	Pavinjec	Pantoprazol (dưới dạng Pantoprazol natri sesquihydrat)	40mg	Tiêm tĩnh mạch hoặc truyền tĩnh mạch	Thuốc bột đông khô pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	24 tháng	520110783324 (VN-21751-19)	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Lọ	1.288.451	67.950	87.550.245.450
TỔNG CỘNG																	157.124.426.802

I

3

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																	
1	16	J01DD01.0 2.06.N2	Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	1000mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	36 tháng	VD-19007-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	4.067.826	6.993	28.446.307.218
2	18	J01DD01.0 1.06.N2	Cefotaxime 2000	Cefotaxim (dưới dạng cefotaxim natri)	2000mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ bột pha tiêm	Nhóm 2	36 tháng	893110296023 (VD-19008-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	551.550	14.259	7.864.551.450
3	20	J01DD02.0 2.06.N2	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	1g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	36 tháng	VD-19012-13	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	4.289.677	14.763	63.328.501.551
4	22	J01DD02.0 1.06.N2	Ceftazidime 2000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	36 tháng	893110044423 (VD-19013-13)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	1.183.763	25.914	30.676.034.382
TỔNG CỘNG																	130.315.394.601
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIPHARCO																	
1	39	J01DH02.0 1.06.N1	Meropenem/ Anfarm	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	500mg	Tiêm truyền	bột pha tiêm truyền	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	Nhóm 1	36 tháng	520110070523 (VN-20409-17)	Anfarm hellas S.A.	Hy Lạp	Lọ	982.664	38.000	37.341.232.000
TỔNG CỘNG																	37.341.232.000
CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO																	
1	14	J01DE01.0 2.06.N2	Maxapin 1g	Cefepime	1000mg	tiêm/ truyền	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	36 tháng	893110832524 (VD-20325-13)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Chai/Lọ	1.439.848	26.383	37.987.509.784
TỔNG CỘNG																	37.987.509.784
CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC																	
1	23	J01DH51.0 1.06.N1	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) + Cilastatin (dưới dạng Cilastatin natri)	500mg + 500mg	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 lọ; hộp 50 lọ	Nhóm 1	24 tháng	VN-16731-13	Demo S.A. Pharmaceutical Industry	Greece	Lọ	2.647.940	61.150	161.921.531.000
TỔNG CỘNG																	161.921.531.000




STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SALUD																	
1	17	J01DD01.01.06.N1	Tenamyd-cefotaxime 2000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim sodium)	2g	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Nhóm 1	24 tháng	893110044523 (VD-19445-13)	Công ty cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Lọ	614.491	24.675	15.162.565.425
2	29	A02BC05.02.06.N1	Solezol	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole natri)	40mg	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Nhóm 1	24 tháng	520110519424 (VN-21738-19)	Anfarm Hellas S.A.	Hy Lạp	Lọ	1.893.395	26.888	50.909.604.760
TỔNG CỘNG																	66.072.170.185
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ HÓA CHẤT NAM LINH																	
1	52	L01BA04.01.06.N2	Pemehope 100	Pemetrexed	100mg	tiêm/truyền	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Nhóm 2	24 tháng	778114788124	Glenmark Generics S.A.	Argentina	Lọ	37.542	450.450	16.910.793.900
TỔNG CỘNG																	16.910.793.900
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC																	
1	8	C07AB07.01.01.N2	Corneil-5	Bisoprolol fumarat	5mg	Uống	Viên nén tròn bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-19653-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	35.748.030	287	10.259.684.610
2	36	M01AC06.01.01.N2	Coxnis	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	36 tháng	VD-31633-19	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	34.425.036	154	5.301.455.544
3	54	L01BA04.02.06.N2	Podoxred 500mg	Pemetrexed disodium (dạng vô định hình) 551,4mg tương đương với Pemetrexed 500mg	500mg	Tiêm	Bột đông khô để pha dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ	Nhóm 2	24 tháng	VN3-60-18	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	Ấn Độ	Lọ	14.694	443.108	6.511.028.952
TỔNG CỘNG																	22.072.169.106
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VĂN LANG																	
1	9	L01BC06.01.01.N1	Capecitabine Pharmicare 500mg Film-coated Tablets	Capecitabin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 12 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	36 tháng	535114439923	Pharmacare Premium Ltd.	Malta	Viên	9.837.229	19.530	192.121.082.370
TỔNG CỘNG																	192.121.082.370

I

h

STT	STT trong HSMT	Mã thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM ĐỒNG																	
1	3	C10AA05.01.01.N1	Atoris 10mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calci 10,36mg)	10mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	VN-18272-14	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	viên	27.445.218	818	22.450.188.324
2	5	C10AA05.02.01.N1	Atoris 20mg	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin calcium)	20mg	uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 1	24 tháng	383110406623 (VN-18881-15)	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	viên	36.037.446	1.214	43.749.459.444
TỔNG CỘNG																	66.199.647.768